TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2185/2023/DS-ST
Ngày:02-11-2023
V/v "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Phủ

2. Ông Trần Hưng

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 1246/2023/TLST- DS ngày 26 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 565/2023/QĐXXST-DS ngày 28/8/2023 Quyết định hoãn phiên tòa số 501/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng M

Địa chỉ: Phường A, Quận N, Thành phố C

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Tạ Thị Ngọc N, sinh năm 1985; địa chỉ: Phường D, Quận G, Thành phố C.

- Bị đơn: Ông Trần Phong T

Địa chỉ: Phường X, quận B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Tạ Thị Ngọc N trình bày: Ngày 14/02/2022, Ngân hàng M ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi là: hợp đồng tín dụng) với ông Trần Phong T theo hình thức cấp thẻ tín dụng MASTER Card, cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 80.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; mục đích vay: tiêu dùng; phương thức bảo đảm cấp thẻ: tín chấp; Dư nợ hiện tại 86.932.798 đồng; lãi phát sinh tới thời điểm 26/07/2023 là 33.061.990 đồng; phí

phát sinh tính tới thời điểm 26/07/2023 là 74.963.991 đồng, gồm: phí chậm thanh toán là 51.259.635 đồng, phí vượt hạn mức là 23.704.356 đồng.

Ông Trần Phong T bắt đầu sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 16/02/2022 và rút số tiền là 79.999.998 đồng. Kỳ sao kê chốt ngày 15/03/2022 (ngày đến hạn thanh toán là 31/03/2022), ông Trần Phong T thanh toán nợ gốc ngày 06/04/2022 trễ hạn 6 ngày, bị phạt 100.000 đồng: tổng số tiền đã nộp là 80.100.000 đồng và tiếp tục rút tiền thẻ ngay trong ngày (Tổng là 80.000.000 đồng).

Trong đầu tháng 6/2023, ngân hàng M nâng hạn mức thể lên thành 93.000.000 đồng. Ngày 06/06/2022, ông Trần Phong T tiếp tục rút tiền thẻ (tổng là 6.932.800 đồng). Như vậy tổng số tiền gốc ông Trần Phong T đã rút và chưa thanh toán là 86.932.798 đồng.

Kể từ ngày 30/06/2022, ngân hàng M thực hiện khóa thẻ tín dụng do ông Trần Phong T không thanh toán dư nợ gốc thẻ tín dụng liên tục 60 ngày (Căn cứ theo điểm 16.6 Điều 16 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, mặc dù M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Trần Phong T trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng M.

Yêu cầu khởi kiện cụ thể: Buộc ông Trần Phong T phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc lãi phí (tạm tính đến ngày 26/7/2023) cho ngân hàng M với tổng số tiền là 194.948.779 đồng.

Bị đơn ông Trần Phong T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Tạ Thị Ngọc N là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng M có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Trần Phong T trả số tiền tạm tính đến ngày 02/11/2023 là 202.729.860 đồng trong đó: Nợ gốc là 86.932.798 đồng, tiền lãi là 40.833.071 đồng; tiền phí 74.963.991 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Phong T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Phong T phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng (kèm theo bài phát biểu ngày 02/11/2023).

- Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án*: Căn cứ giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế được ký kết giữa ngân hàng M và ông Trần Phong T để kích hoạt sử dụng số tiền 86.932.798 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông T không thanh toán đúng hạn cho ngân hàng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện, do đó có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Hiện nay, ông Trần Phong T, sinh năm 1996 có HKTT Phường X, quận B, Thành phố C hiện vắng mặt tại địa phương không rõ nơi tạm trú, nhưng ngân hàng M đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở", do ông T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017.

- Về thủ tục vắng mặt: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tạ Thị Ngọc N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia của bà; Bị đơn ông Trần Phong T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo triệu tập của Tòa án. Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét việc ông Trần Phong T đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thẻ Quốc tế với ngân hàng M, ông T đã rút và sử dụng số tiền 86.932.798 đồng là có thật, phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Ông T là người sử dụng tiền thẻ trong quá trình sử dụng thẻ ông T luôn thanh toán trễ hạn cho ngân hàng M cho thấy bị đơn ông T đã vi phạm hợp đồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt nhiều lần nhưng ông T vẫn không đến Tòa án, không cung cấp các chứng cứ bảo vệ quyền lợi ích của mình theo quy định, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo các chứng cứ ngân hàng M cung cấp thì việc ông T có vay tiền có sử dụng tiền là có thật nên việc ngân hàng M khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền là có căn cứ.

Về lãi suất, xét giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế được ký kết giữa ngân hàng M và ông T có thỏa thuận về lãi suất nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng M về yêu cầu ông Trần Phong T thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 02/11/2023 là 202.729.860 đồng trong đó: Nợ gốc là 86.932.798 đồng, tiền lãi là 40.833.071 đồng; tiền phí 74.963.991 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí hoàn lại án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng M.

Buộc bị đơn là ông Trần Phong T có trách nhiệm trả cho ngân hàng M số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 02/11/2023 là 202.729.860 đồng trong đó: Nợ gốc là 86.932.798 đồng, tiền lãi là 40.833.071 đồng; tiền phí 74.963.991 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và lãi suất theo hợp đồng vay đã ký kết. Thời hạn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là ông Trần Phong T phải chịu là 10.136.500 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng M không phải chịu án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 3.074.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0028055 ngày 21/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Tuyết Lạnh